

Bản án số: **66/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 17 – 8 – 2018
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Ông Phan Ngọc Thạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã E, huyện C, tỉnh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018.

2/ *Bị đơn:* Anh Phan Văn F, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3/ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 25, ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Tây Ninh.

Bà D, chị H có mặt, anh F, anh G có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 và ngày 02/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Bà Đỗ Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F trước đây là vợ chồng và đã ly hôn theo quyết định số 351/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ kiện xin ly hôn thì chị H và anh F không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Nay do không thỏa thuận được trong việc chia tài sản chung nên chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với anh F gồm những tài sản như sau:

1/ Tài sản có trên phần đất thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 3k48, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H709290 ngày 26/9/1996 do anh F đứng tên, bao gồm: một căn nhà xây loại cấp 4, xây năm 2006, diện tích 70 m², đặc điểm nhà tường gạch chưa tô, mái lợp tol, nền gạch men, cửa chính, cửa sổ khung sắt gắn kính; giếng khoang và các loại cây trồng có trên đất.

2/ 280 cây măng cầu có trên phần đất có diện tích 3.000 m², thuộc thửa đất 1530, tờ bản đồ 1K48, thuộc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất cho anh Phan Văn F đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H709290 ngày 26/9/1996.

3/ Một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ đen, mang biển số 70K347.17 do anh F đứng tên giấy chứng nhận đăng ký và sử dụng.

4/ Một chiếc xe mô tô loại hiệu Zaluka, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, mang biển đăng ký 70F3 – 6563 do anh Nguyễn Văn G đứng tên giấy chứng nhận đăng ký và do chị H đang quản lý sử dụng.

Riêng tài sản chung là 02 con bò do chị H và anh F mua năm 2016 và các tài sản khác như vật dụng trong gia đình thì chị H không có yêu cầu chia. Nguyên vọng của chị H là muốn nhận bằng giá trị tương đương $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản chung phát sinh trong thời gian chung sống vợ chồng với anh F.

Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn – anh Phan Văn F trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì anh có ý kiến như sau:

Trong quá trình chung sống vợ chồng với chị H thì anh thống nhất anh chị có tạo lập được những tài sản chung như chị H trình bày, ngoài ra vợ chồng còn có tài sản chung là 02 con bò mua vào năm 2016. Các tài sản chung của chị H và anh đã được anh và chị H thỏa thuận phân chia tài sản theo văn bản thỏa thuận lập ngày 19/10/2017. Chị H và anh đã nhận toàn bộ phần tài sản được chia như thỏa thuận nhưng anh chưa trả cho chị H số tiền 45.000.000 đồng, tương đương giá trị $\frac{1}{2}$ diện tích cây măng cầu, riêng trong phần tài sản chung anh được nhận là chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Blade mang biển số 70K1 – 34717 đã bị mất trộm nhưng anh không có báo chính quyền địa phương. Do đó anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của chị H, nếu yêu cầu chia tài sản chung của chị H được chấp nhận thì anh thống nhất giá trị chiếc xe Honda loại Blade mang biển số 70K1 – 34717 đã bị mất trộm có giá trị là 14.000.000 đồng, thống nhất số cây măng cầu có trên phần

đất có diện tích 3.000 m², thuộc thửa đất 1530, tờ bản đồ 1K48, thuộc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh là 280 cây.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn G trình bày:

Anh là em ruột của chị Nguyễn Thị H, vào thời gian nào anh không nhớ rõ anh có bán cho chị H và anh F một chiếc xe mô tô hiệu Zaluka, màu sơn đỏ đen, mang biển đăng ký 70F3 – 6563, do anh đứng tên trong giấy đăng ký xe. Do là chị em ruột nên không có lập giấy tờ mua bán, anh đã nhận đủ số tiền bán xe là 4.000.000 đồng và đã giao xe cho chị H, anh F quản lý sử dụng cho đến nay. Anh xác định chiếc xe trên là tài sản chung của chị H và anh F và anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H và anh F do Tòa án đang giải quyết.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Do anh Phan Văn F, anh Nguyễn Văn G là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh F và anh G.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 146, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 16, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 166, Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Văn F về yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với các tài sản chung chị Nguyễn Thị H yêu cầu:

Ghi nhận sự thống nhất của chị H và anh F về giá trị tài sản chung bị mất là chiếc xe mô tô loại Honda mang biển số 70K347.17 có giá trị theo thỏa thuận là 14.000.000 đồng. Chị H và anh F không tranh chấp và yêu cầu chia tài sản chung là 02 con bò kéo và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí thẩm định tài sản tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

* Về tố tụng:

Do anh Phan Văn F, anh Nguyễn Văn G là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh F và anh G.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về đối tượng tranh chấp: Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả thẩm định giá và định giá tài sản được sự thống nhất của các bên đương sự thể hiện. Tài sản chung chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia và cũng là tài sản đang tranh chấp có đặc điểm như sau:

- Một căn nhà xây loại cấp 4, xây năm 2006, diện tích 70 m^2 , đặc điểm nhà tường gạch chưa tô, mái lợp tol, nền gạch men, cửa chính, cửa sổ khung sắt gắn kính, qua thẩm định giá có giá trị: $1.961.000 \text{ đồng/m}^2 \times 70 \text{ m}^2 \times 40.66\% = 55.808.131 \text{ đồng}$;

- 01 cái giếng khoang, qua thẩm định giá còn giá trị là $1.272.000 \text{ đồng} \times 50\% = 636.000 \text{ đồng}$;

- 280 cây măng cầu từ 05 đến 08 năm tuổi trồng trên phần đất thuộc thửa đất số 1530, tờ bản đồ 1K48, thuộc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất cho anh Phan Văn F đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H709290 ngày 26/9/1996 có giá trị qua định giá: $280 \text{ cây} \times 240.000 \text{ đồng/cây} = 67.200.000 \text{ đồng}$;

- Một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ đen, mang biển số 70K347.17 do anh F đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký, được sự thống nhất của chị H và anh F về giá trị là $14.000.000 \text{ đồng}$;

- Một chiếc xe mô tô loại hiệu Zaluka, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, mang biển đăng ký 70F3 – 6563 do anh Nguyễn Văn G đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký, tại thời điểm định giá có giá trị còn lại là $3.000.000 \text{ đồng}$.

- 14 cây D có đường kính 10 cm có giá trị: $14 \text{ cây} \times 400.000 \text{ đồng/cây} = 5.600.000 \text{ đồng}$;

- 06 cây D có đường kính từ 02 đến 03 cm có giá trị: $06 \text{ cây} \times 50.000 \text{ đồng/cây} = 300.000 \text{ đồng}$;

- 08 cây D có đường kính từ 05 đến 08 cm có giá trị: $08 \text{ cây} \times 400.000 \text{ đồng/cây} = 3.200.000 \text{ đồng}$;

- 02 cây D có đường kính 15 cm có giá trị: $02 \text{ cây} \times 600.000 \text{ đồng/cây} = 1.200.000 \text{ đồng}$;

- 01 cây me trên 10 năm tuổi có giá trị: 800.000 đồng ;

- 02 cây xoài trên 10 năm tuổi có giá trị: $02 \text{ cây} \times 1.000.000 \text{ đồng/cây} = 2.000.000 \text{ đồng}$;

- 03 cây mít trên 10 năm tuổi có giá trị: $03 \text{ cây} \times 1.000.000 \text{ đồng/cây} = 3.000.000 \text{ đồng}$;

- 04 cây cau ăn trái từ 03 đến 05 năm tuổi có giá trị: 04 cây x 100.000 đồng/cây = 400.000 đồng;
- 01 cây nhãn trên 10 năm tuổi có giá trị: 800.000 đồng;
- 02 cây dừa từ 02 đến 03 năm tuổi có giá trị: 02 cây x 150.000 đồng/cây = 300.000 đồng;
- 05 cây dừa trên 10 năm tuổi có giá trị: 05 cây x 500.000 đồng/cây = 2.500.000 đồng;
- 82 cây măng cầu khoảng 05 năm tuổi có giá trị: 82 cây x 240.000 đồng/cây = 19.680.000 đồng;
- 16 cây măng cầu dưới 01 năm tuổi có giá trị: 16 cây x 40.000 đồng = 640.000 đồng;
- 03 bụi tầm vong (mỗi bụi khoảng 50 cây) có giá trị: 150 cây x 5.000 đồng = 750.000 đồng;
- 01 cây dâu từ 05 đến 08 năm tuổi có giá trị: 240.000 đồng;
- 02 cây cau kiểng cao trên 05 mét có giá trị: 02 cây x 120.000 đồng/cây = 240.000 đồng;
- 01 cây cóc từ 05 đến 08 năm tuổi có giá trị: 80.000 đồng;
- 01 cây khế khoảng 04 năm tuổi có giá trị: 60.000 đồng;
- 01 cây cao su từ 08 đến 10 năm tuổi có giá trị: 400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung qua thẩm định giá, định giá tài sản và sự thống nhất của các đương sự là: 55.808.131 đồng + 636.000 đồng + 67.200.000 đồng + 14.000.000 đồng + 3.000.000 đồng + 42.190.000 đồng = 182.834.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Văn F thì Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F đều thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có tạo lập được các tài sản chung được thể hiện tại biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2018 và chứng thư thẩm định giá ngày 24/5/2018. Ý kiến này do các đương sự thỏa thuận và thống nhất với hiện trạng thực tế nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với trình bày của anh Phan Văn F không đồng ý chia các tài sản chung như chị Nguyễn Thị H yêu cầu vì cho rằng giữa anh F và chị H đã thỏa thuận chia các tài sản chung bằng biên bản thỏa thuận lập ngày 19/10/2017 thì thấy rằng việc thỏa thuận này của anh F và chị H vẫn chưa được thực hiện và có tranh chấp; ngoài các tài sản chung thỏa thuận trong văn bản thỏa ngày 19/10/2017 vẫn còn các tài sản khác chưa được giải quyết. Do đó ý kiến của anh F không có cơ sở chấp nhận và cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Văn F đối với các tài sản chung chị Nguyễn Thị H yêu cầu như các tài sản được thể hiện tại biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2018 và chứng thư thẩm định giá ngày 24/5/2018. Khối tài sản chung được tạo lập trong thời gian chung sống vợ

chồng, anh Phan Văn F và chị Nguyễn Thị H cùng có công sức đóng góp ngang nhau vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung nên khi chia tài sản chung anh F và chị H được nhận tài sản có giá trị là $182.834.000 \text{ đồng} / 2 = 91.417.000 \text{ đồng}$.

Do anh Phan Văn F đang quản lý các tài sản trên, chị H đang quản lý tài sản là Một chiếc xe mô tô loại hiệu Zaluka, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, mang biển đăng ký 70F3 – 6563 và có yêu cầu được nhận tài sản chung bằng giá trị các tài sản còn lại nên cần giao các tài sản cho anh F tiếp tục quản lý và buộc anh F giao lại cho chị H giá trị phần tài sản chị H được nhận.

[3] Do trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H tự nguyện rút một phần yêu cầu chia tài sản chung là 02 con bò, các đương sự không có tranh chấp nên cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên. Nếu các đương sự không thỏa thuận được với nhau dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản tranh chấp và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp: Theo quy định tại các điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự: Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Do chị Nguyễn Thị H đã tạm ứng 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 1.000.000 chi phí định giá tài sản và 4.500.000 đồng, tổng cộng là 6.500.000 đồng nên anh Phan Văn F phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 3.250.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định giá tài sản.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H, anh Phan Văn F phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Văn F.

Anh Phan Văn F được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Một căn nhà xây loại cấp 4, xây năm 2006, diện tích 70 m^2 , đặc điểm nhà tường gạch chưa tô, mái lợp tol, nền gạch men, cửa chính, cửa sổ khung sắt gắn kính, qua thẩm định giá có giá trị: $1.961.000 \text{ đồng/m}^2 \times 70 \text{ m}^2 \times 40.66\% = 55.808.131 \text{ đồng}$;

- 01 cái giếng khoang, qua thẩm định giá còn giá trị là $1.272.000 \text{ đồng} \times 50\% = 636.000 \text{ đồng}$;

- 280 cây măng cầu từ 05 đến 08 năm tuổi trồng trên phần đất thuộc thửa đất số 1530, tờ bản đồ 1K48, thuộc ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất cho anh Phan Văn F đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H709290 ngày 26/9/1996 do anh Phan Văn F đứng tên có giá trị qua định giá: $280 \text{ cây} \times 240.000 \text{ đồng/cây} = 67.200.000 \text{ đồng}$;

- Một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ đen, mang biển số 70K347.17 do anh F đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký, được sự thống nhất giá của chị H và anh F là 14.000.000 đồng;

- 14 cây D có đường kính 10 cm có giá trị: $14 \text{ cây} \times 400.000 \text{ đồng/cây} = 5.600.000 \text{ đồng}$;

- 06 cây D có đường kính từ 02 đến 03 cm có giá trị: $06 \text{ cây} \times 50.000 \text{ đồng/cây} = 300.000 \text{ đồng}$;

- 08 cây D có đường kính từ 05 đến 08 cm có giá trị: $08 \text{ cây} \times 400.000 \text{ đồng/cây} = 3.200.000 \text{ đồng}$;

- 02 cây D có đường kính 15 cm có giá trị: $02 \text{ cây} \times 600.000 \text{ đồng/cây} = 1.200.000 \text{ đồng}$;

- 01 cây me trên 10 năm tuổi có giá trị: 800.000 đồng;

- 02 cây xoài trên 10 năm tuổi có giá trị: $02 \text{ cây} \times 1.000.000 \text{ đồng/cây} = 2.000.000 \text{ đồng}$;

- 03 cây mít trên 10 năm tuổi có giá trị: $03 \text{ cây} \times 1.000.000 \text{ đồng/cây} = 3.000.000 \text{ đồng}$;

- 04 cây cau ăn trái từ 03 đến 05 năm tuổi có giá trị: $04 \text{ cây} \times 100.000 \text{ đồng/cây} = 400.000 \text{ đồng}$;

- 01 cây nhãn trên 10 năm tuổi có giá trị: 800.000 đồng;

- 02 cây dừa từ 02 đến 03 năm tuổi có giá trị: $02 \text{ cây} \times 150.000 \text{ đồng/cây} = 300.000 \text{ đồng}$;

- 05 cây dừa trên 10 năm tuổi có giá trị: $05 \text{ cây} \times 500.000 \text{ đồng/cây} = 2.500.000 \text{ đồng}$;

- 82 cây măng cầu khoảng 05 năm tuổi có giá trị: $82 \text{ cây} \times 240.000 \text{ đồng/cây} = 19.680.000 \text{ đồng}$;

- 16 cây măng cầu dưới 01 năm tuổi có giá trị: $16 \text{ cây} \times 40.000 \text{ đồng} = 640.000 \text{ đồng}$;

- 03 bụi tầm vong (mỗi bụi khoảng 50 cây) có giá trị: $150 \text{ cây} \times 5.000 \text{ đồng} = 750.000 \text{ đồng}$;

- 01 cây dâu từ 05 đến 08 năm tuổi có giá trị: 240.000 đồng;

- 02 cây cau kiểng cao trên 05 mét có giá trị: $02 \text{ cây} \times 120.000 \text{ đồng/cây} = 240.000 \text{ đồng}$;

- 01 cây cóc từ 05 đến 08 năm tuổi có giá trị: 80.000 đồng;

- 01 cây khế khoảng 04 năm tuổi có giá trị: 60.000 đồng;
- 01 cây cao su từ 08 đến 10 năm tuổi có giá trị: 400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Phan Văn F được nhận là 179.834.131 đồng.

Do tổng giá trị tài sản anh Phan Văn F được nhận khi chia tài sản chung là 91.417.000 đồng nên anh Phan Văn F có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 179.834.000 đồng – 91.417.000 đồng = 88.417.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Một chiếc xe mô tô loại hiệu Zaluka, loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, mang biển đăng ký 70F3 – 6563 do anh Nguyễn Văn G đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký, có giá trị là 3.000.000 đồng.

- Chị H được nhận số tiền 88.417.000 đồng do anh Phan Văn F có trách nhiệm hoàn trả, tương đương giá trị tài sản chung chị Nguyễn Thị H được nhận.

Tổng giá trị tài sản chung chị Nguyễn Thị H được nhận là 88.417.000 đồng + 3.000.000 đồng = 91.417.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F là 02 con bò mua vào năm 2016.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H, anh Phan Văn F không tranh chấp tài sản chung là các vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá đất tranh chấp và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn F mỗi người phải chịu 3.250.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp.

Do chị H đã tạm ứng toàn bộ 6.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp nên anh Phan Văn F phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 3.250.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 4.570.500 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 4.300.000 đồng theo biên lai thu số 0025089 ngày 08 tháng 01 năm 2018 và theo biên lai thu số 0025449 ngày 02/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh; Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 270.500 (hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Văn F phải chịu 4.570.500 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Văn F chưa hoàn trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Phan Văn F còn phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Báo cho chị Nguyễn Thị H, bà Đỗ Thị D biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan Văn F, anh Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang